

TRẢI NGHIỆM CỦA GIÁO VIÊN TIẾNG ANH TRONG VIỆC TRIỂN KHAI SÁCH GIÁO KHOA GLOBAL SUCCESS NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP CHO HỌC SINH

Võ Ngọc Đình¹, Lê Xuân Mai²

¹Học viên cao học, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ

²Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ

Email: 1endyvo04112@gmail.com 2lxmai@ctu.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu tìm hiểu trải nghiệm của giáo viên tiếng Anh trong việc triển khai bộ sách Global Success nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh tại Việt Nam. Dữ liệu thu thập từ bảng hỏi 80 giáo viên và phỏng vấn bán cấu trúc 5 giáo viên cho thấy sách mang lại nhiều thuận lợi như thiết kế sinh động, nội dung gần gũi và các hoạt động giao tiếp thực tế, giúp học sinh rèn kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp. Tuy nhiên, giáo viên gặp khó khăn về sĩ số lớp đông, thời gian trên lớp hạn chế, trình độ học sinh và các vấn đề liên quan đến sách giáo khoa. Để khắc phục, giáo viên áp dụng các chiến lược giảng dạy nhằm giải quyết những khó khăn để phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc điều chỉnh linh hoạt sách theo bối cảnh lớp học và nâng cao năng lực chuyên môn giáo viên.

Từ khóa: trải nghiệm của giáo viên tiếng Anh, sách giáo khoa Global Success, năng lực giao tiếp, Phương pháp Dạy học Giao tiếp.

EFL TEACHERS' EXPERIENCES IN IMPLEMENTING THE GLOBAL SUCCESS TEXTBOOKS TO DEVELOP STUDENTS' COMMUNICATIVE COMPETENCE

Vo Ngoc Dinh¹, Le Xuan Mai²

¹Graduate Student, Faculty of Foreign Languages, Can Tho University

²Faculty of Foreign Languages, Can Tho University

Email: 1endyvo04112@gmail.com 2lxmai@ctu.edu.vn

Abstract: This article explores EFL teachers' experiences in implementing the Global Success textbook to develop students' communicative competence in Vietnam. Data collected from questionnaires with 80 teachers and semi-structured interviews with 5 teachers indicate that the textbook provides various advantages, such as lively design, relatable content, and authentic communicative activities, helping students improve both language skills and communicative abilities. However, teachers face challenges related to large class sizes, limited classroom time, students' proficiency levels, and textbook-related issues. To overcome these challenges, teachers apply teaching strategies to support the development of students' communicative competence. The study emphasizes the importance of flexible textbook adaptation according to classroom context and enhancing teachers' professional development.

Keywords: teachers' experiences, the Global Success Textbooks, communicative competence, Communicative Language Teaching.

Nhận bài: 012/08/2025

Phản biện: 10/09/2025

Duyệt đăng: 15/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh thế giới thay đổi nhanh chóng, giáo dục giữ vai trò then chốt trong việc giúp con người thích ứng với những thách thức mới. Tiếng Anh đã trở thành công cụ quan trọng của giao tiếp và hội nhập toàn cầu, và trong thế kỷ XXI, mục tiêu cốt lõi của việc học tiếng Anh là phát triển năng lực giao tiếp. Tại Việt Nam, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT nhấn mạnh việc dạy tiếng Anh cần tập trung vào rèn luyện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, giúp người học tự tin sử dụng trong các tình huống thực tiễn. Trong bối cảnh đó, sách giáo khoa đóng vai trò quan trọng, đặc biệt đối với học sinh ở nông thôn – nơi cơ hội tiếp xúc với tiếng Anh còn hạn chế. Bộ sách Global Success được biên soạn theo đường hướng Dạy học Giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT), hướng đến phát triển kỹ năng tích hợp và năng lực

giao tiếp thực sự. Tuy nhiên, hiệu quả của bộ sách phụ thuộc nhiều vào cách giáo viên triển khai và điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu người học. Nghiên cứu này tìm hiểu trải nghiệm của giáo viên tiếng Anh trong việc sử dụng Global Success nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Nghiên cứu phân tích những lợi ích, khó khăn, chiến lược mà giáo viên áp dụng, đồng thời đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng bộ sách trong thực tiễn giảng dạy.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm cơ bản về những trải nghiệm của giáo viên tiếng Anh và năng lực giao tiếp cho học sinh

2.1.1. Khái niệm về những trải nghiệm của giáo viên tiếng Anh

Trong nghiên cứu, trải nghiệm của giáo viên

tiếng Anh được hiểu là cách giáo viên nhìn nhận và tham gia vào hoạt động nghề nghiệp của mình trong quá trình giảng dạy tiếng Anh. Những trải nghiệm này bao gồm ba khía cạnh có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: thuận lợi, tức những yếu tố tích cực và cơ hội hỗ trợ việc dạy và học; khó khăn, tức những trở ngại hoặc hạn chế mà giáo viên gặp phải trong bối cảnh lớp học và nhà trường; và chiến lược, tức những điều chỉnh và giải pháp mà giáo viên áp dụng để vượt qua khó khăn và nâng cao hiệu quả giảng dạy. Ba khía cạnh này kết hợp lại giúp cung cấp một cái nhìn toàn diện về cách giáo viên diễn giải, ứng phó và phát triển thông qua thực tiễn lớp học (Richards, 2001; McDonough & Shaw, 2003; Tomlinson, 2011).

2.1.2. Khái niệm về năng lực giao tiếp cho học sinh

Năng lực giao tiếp được hiểu là khả năng của người học trong việc sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác và phù hợp trong giao tiếp thực tế (Canale & Swain, 1980; Canale, 1983). Khái niệm này không chỉ giới hạn ở ngữ pháp và từ vựng mà còn bao gồm việc biết cách sử dụng ngôn ngữ hiệu quả trong những ngữ cảnh và mục đích khác nhau (Canale & Swain, 1980; Canale, 1983). Năng lực giao tiếp bao gồm bốn thành tố: năng lực ngữ pháp (sử dụng đúng ngữ pháp và cấu trúc), năng lực xã hội-ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ lịch sự và phù hợp với tình huống giao tiếp), năng lực diễn ngôn (tổ chức ý tưởng một cách mạch lạc trong giao tiếp mở rộng), và năng lực chiến lược (giải quyết vấn đề khi giao tiếp gặp khó khăn và duy trì sự tương tác). Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, năng lực giao tiếp đóng vai trò then chốt, giúp người học trở nên tự tin, lưu loát và thành công trong giao tiếp hằng ngày, học tập cũng như công việc. Vì vậy, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã tích hợp mục tiêu giao tiếp vào chương trình giáo dục, tiêu biểu như Chương trình Giáo dục Phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018 (MOET, 2018).

2.2. Khung lý thuyết

2.2.1. Phương pháp dạy học giao tiếp (*Communicative Language Teaching*)

Phương pháp dạy học giao tiếp nhấn mạnh vào giao tiếp xác thực, tương tác có ý nghĩa và sự phát triển năng lực giao tiếp (Richards & Rodgers, 2014; Littlewood, 2004). Theo đó, trải nghiệm của giáo viên trong việc triển khai sách giáo khoa có thể được xem xét dựa trên mức độ mà sách hỗ trợ giao tiếp, tạo động lực cho người học và thúc đẩy sự tương tác trong lớp học.

2.2.2. Lý thuyết Xã hội - Văn hóa (*Sociocultural Theory*)

Dưới góc nhìn xã hội – văn hoá, dạy và học được xem là những quá trình được trung gian hoá về mặt xã hội, trong đó sự tương tác, hợp tác và bối cảnh giữ vai trò trung tâm (Vygotsky, 1978; Lantolf, 2000). Thực tiễn giảng dạy của giáo viên chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố bối cảnh như sĩ số lớp, đặc điểm học sinh, điều kiện cơ sở vật chất và kỳ vọng văn hoá. Do đó, những khó khăn và chiến lược mà giáo viên áp dụng khi sử dụng bộ sách Global Success phản ánh nỗ lực của họ trong việc trung gian hoá việc học, hỗ trợ sự tham gia của học sinh và điều chỉnh hoạt động giảng dạy sao cho phù hợp với thực tế xã hội và văn hoá của lớp học.

2.2.3. Lý thuyết về điều chỉnh tài liệu (*Materials Adaptation Framework*)

Khung lý thuyết về điều chỉnh tài liệu cung cấp một cách tiếp cận hữu ích để xem xét cách giáo viên điều chỉnh sách giáo khoa nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và bối cảnh giảng dạy. Việc điều chỉnh có thể bao gồm bổ sung, lược bỏ, sắp xếp lại, đơn giản hoá hoặc mở rộng hoạt động (McDonough, Shaw, & Masuhara, 2013; Tomlinson, 2011). Thông qua các chiến lược này, giáo viên điều chỉnh bộ sách Global Success không chỉ để phù hợp với thực tiễn lớp học mà còn để thu hẹp khoảng cách giữa nội dung sách và nhu cầu giao tiếp của học sinh. Nhờ đó, việc điều chỉnh trở thành một thực tiễn then chốt trong việc phát triển năng lực giao tiếp.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế phương pháp kết hợp mô tả, kết hợp định lượng và định tính để đảm bảo độ tin cậy của kết quả. Theo Creswell (2017), nghiên cứu kết hợp mô tả cho phép thu thập, phân tích và tích hợp cả hai loại dữ liệu, từ đó tận dụng thế mạnh và khắc phục hạn chế của từng phương pháp.

2.3.2. Công cụ nghiên cứu

Công cụ nghiên cứu gồm bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc. Bảng hỏi thu thập dữ liệu định lượng về thuận lợi, khó khăn và chiến lược khi áp dụng sách Global Success. Bảng hỏi được xây dựng trên các khung lý thuyết (Phương pháp dạy học giao tiếp, lý thuyết Xã hội - Văn hóa, và lý thuyết về điều chỉnh tài liệu). Trong bảng hỏi có 49 tiêu chí khảo sát, trong đó có: 19 tiêu chí về những trải nghiệm thuận lợi của giáo viên, 14 tiêu chí về những trải nghiệm khó khăn của giáo

viên, và 16 tiêu chí về những chiến lược của giáo viên. Phỏng vấn bán cấu trúc bổ sung dữ liệu định tính, giúp làm rõ trải nghiệm, thách thức và chiến lược của giáo viên. Sự kết hợp này mang lại cái nhìn vừa rộng vừa sâu, phù hợp với mục tiêu của nghiên cứu hỗn kết hợp.

2.3.3. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng chọn mẫu có chủ đích nhằm đảm bảo người tham gia phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Bảng hỏi được phát cho giáo viên tiếng Anh tại các trường công lập ở thành phố Bạc Liêu, với tiêu chí: (1) là giáo viên trường công và (2) đang giảng dạy sách *Global Success*. Tổng cộng có 80 giáo viên tham gia (23 nam, 57 nữ), trong đó 1 dưới 1 năm kinh nghiệm, 15 từ 1–5 năm, 9 từ 6–10 năm và 55 trên 10 năm. Về cấp học, có 21 giáo viên tiểu học, 38 THCS và 21 THPT. Sau khi bảng hỏi được hoàn thành, có 5 giáo viên tình nguyện tham gia phỏng vấn, trong đó có: 2 giáo viên tiếng Anh dạy cấp tiểu học, 1 giáo viên tiếng Anh dạy cấp THCS, và 2 giáo viên tiếng Anh dạy cấp THPT.

2.3.4. Thu thập và phân tích dữ liệu

Để kiểm tra độ tin cậy, 25 giáo viên tiếng Anh được chọn từ các mối liên hệ của nhà nghiên cứu và có sử dụng sách *Global Success* trong giảng dạy

tiếng Anh tham gia thử nghiệm bảng câu hỏi thông qua Google Forms (email, Zalo, Messenger). Dữ liệu được phân tích bằng SPSS 27.0, kết quả cho thấy độ tin cậy Cronbach's Alpha $\alpha = 0.952$, chứng tỏ bảng câu hỏi phù hợp để thu thập dữ liệu chính thức. Sau khi thu thập dữ liệu chính thức từ bảng hỏi với 80 giáo viên tiếng Anh, nghiên cứu đã sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 27.0 để phân tích dữ liệu định lượng.

Đối với phỏng vấn bán cấu trúc, 2 giáo viên tiếng Anh tham gia thử nghiệm các câu hỏi và không gặp khó khăn trong quá trình trả lời câu hỏi nên nội dung câu hỏi phỏng vấn không thay đổi. Dữ liệu được phân tích bằng phương pháp phân tích chủ đề.

2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Kết quả nghiên cứu từ bảng câu hỏi

Một phép phân tích Thống kê Mô tả (Descriptive Statistic) đã được thực hiện để xác định điểm tối thiểu, điểm tối đa và điểm trung bình của 80 người tham gia đối với 49 mục khảo sát (Cronbach's Alpha $\alpha = 0.976$). Bảng dưới đây cho thấy các giáo viên đồng thuận về các trải nghiệm thuận lợi và khó khăn khi triển khai sách giáo khoa *Global Success* nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh.

Bảng. Thuận lợi và khó khăn của giáo viên tiếng Anh trong việc triển khai sách giáo khoa *Global Success* nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Thuận lợi của giáo viên	80	1.32	5.00	3.97	.70596
Khó khăn của giáo viên	80	1.57	4.71	3.46	.66318

Bảng trên cho ta thấy rằng, điểm số tối thiểu, tối đa và trung bình về những thuận lợi của giáo viên tiếng Anh trong quá trình triển khai sách *Global Success* nhằm phát triển năng lực giao tiếp của người học lần lượt là 1.32, 5.00 và 3.97. Điểm trung bình 3.97 cho thấy mức độ đồng thuận cao của giáo viên đối với những thuận lợi trong quá trình triển khai sách *Global Success* nhằm phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Tương tự về điểm số tối thiểu, tối đa và trung bình về những khó khăn mà giáo viên tiếng Anh gặp phải trong quá trình triển khai sách *Global Success* nhằm phát triển năng lực giao tiếp của người học lần lượt là 1.57, 4.71 và 3.46. Điểm trung bình 3.46 cho thấy mức độ đồng thuận cao của giáo viên đối với những khó khăn gặp phải trong quá trình triển khai sách *Global Success* nhằm phát triển năng lực giao tiếp của học sinh.

Kiểm định One-Sample t-test được sử dụng để so sánh điểm trung bình mức độ sử dụng chiến lược của giáo viên ($M = 3.97$) với giá trị kiểm định 4.0. Kết quả cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($t = -3.92$; $p = .696$). Điều này chứng tỏ điểm trung bình 3.97 có thể được xem như tương đương với 4.0, nghĩa là giáo viên đạt mức đồng thuận rất cao về những thuận lợi trong quá trình triển khai sách *Global Success* để phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Khi so sánh với điểm trung bình về khó khăn ($M = 3.46$, ở mức đồng thuận cao), có thể thấy rằng giáo viên nhìn nhận nhiều thuận lợi hơn là khó khăn trong quá trình giảng dạy.

Điểm số tối thiểu, tối đa và trung bình về những chiến lược của giáo viên tiếng Anh trong quá trình triển khai sách *Global Success* nhằm phát triển

năng lực giao tiếp của người học lần lượt là 1.25, 5.00 và 4.01. Điểm trung bình 4.02 cho thấy giáo viên thường xuyên áp dụng các chiến lược trong quá trình triển khai sách *Global Success* để phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh.

2.4.2. Kết quả từ phỏng vấn bán cấu trúc

Tất cả các giáo viên tham gia phỏng vấn đều nhất trí rằng các hoạt động trong *Global Success như Everyday English, Project, Let's talk, Communication and Culture* tạo cơ hội phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Sách được đánh giá có thiết kế sinh động, nội dung gần gũi, và đi kèm với nguồn học liệu phong phú cũng như các chương trình tập huấn giúp việc triển khai trở nên thuận tiện. Tiêu biểu là lời phát biểu của giáo viên 1 ở bậc tiểu học:

Sách tập trung vào kỹ năng nghe nói hơn và có nhiều các hoạt động về giao tiếp đa dạng chẳng hạn như là hỏi đáp, đóng vai, thảo luận nhóm, thuyết trình. Và về mặt tiếp theo mà anh thấy là về các cái tình huống giao tiếp gần gũi giúp học sinh dễ vận dụng vào thực tế và đặc biệt ở trong phần *Everyday English* vào các đoạn hội thoại ở các hoạt động ở mỗi lesson thì có một cái đoạn hội thoại mẫu hỗ trợ là trực tiếp cho việc luyện nói.

Bên cạnh đó, 4 trong 5 giáo viên tham gia phỏng vấn đồng thuận rằng trường học đều trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như tivi, wifi và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy. Trong đó, có 1 giáo viên 4 ở bậc THCS phát biểu rằng:

Ở trường chị thì không có đầy đủ lắm tại vì chỉ có vài cái tivi thôi nhưng mà mình phải sử dụng chung cho nên là có bữa có tivi, có hôm thì không.

Tuy nhiên, tất cả 5 giáo viên tham gia phỏng vấn đều đồng thuận rằng một số chủ đề trong sách, chẳng hạn như chủ đề về công nghệ, vẫn gây khó khăn cho học sinh. Ngoài ra, thời lượng hạn chế và sĩ số lớp đông làm giảm hiệu quả của các hoạt động giao tiếp, đặc biệt đối với những học sinh có năng lực tiếng Anh yếu và khó theo kịp bài học. Tiêu biểu là lời phát biểu của giáo viên 2 ở bậc tiểu học:

Khó khăn với những chủ đề mà mình thấy những chủ đề đó mới với học sinh và sẽ không phù hợp với cái bối cảnh hiện tại tại mình đang dạy.

Để vượt qua những trở ngại này, tất cả giáo viên tham gia phỏng vấn đều đồng thuận rằng họ áp dụng nhiều phương pháp như *groupwork, pairwork, teamwork, role-play* nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Họ cũng sử dụng

trò chơi, video, tranh ảnh, lời khen và phần thưởng để tăng hứng thú và khuyến khích học sinh yếu tham gia tích cực hơn. Trong đó, giáo viên 5 ở bậc THPT đã dùng thêm phương pháp *task-based learning* với lời phát biểu như sau:

Trong tiết dạy Project thì cô sẽ cho kết hợp với phương pháp là *task-based learning* em. Thì trong cái tiết *task-based learning* này cô sẽ giao cho nhiệm vụ cụ thể.

2.5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu này có nhiều điểm tương đồng với các nghiên cứu trước. Waluyo (2019) cho thấy việc áp dụng *task-based learning* và *role-play* có thể nâng cao năng lực giao tiếp, nhưng phụ thuộc nhiều vào chủ đề và vai trò của giáo viên. Tương tự, nghiên cứu này cũng ghi nhận giáo viên sử dụng *task-based learning*, hoạt động nhóm, cặp đôi và *role-play* để phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Sourani, AbdulFattah và Sayer (2023) nhấn mạnh những khó khăn khi triển khai CLT trong bối cảnh Lebanon và Jordan, điều này tương đồng với phát hiện của nghiên cứu hiện tại về các hạn chế liên quan đến sĩ số lớp, thời lượng và cơ sở vật chất. Bên cạnh đó, nghiên cứu này và nghiên cứu của Tran và Tran (2020) đều xem xét vai trò của sách giáo khoa trong phát triển năng lực giao tiếp.

Khác với ba nghiên cứu trên, nghiên cứu tập trung vào giáo viên dạy các trường công lập ở Việt Nam và sử dụng thiết kế kết hợp, từ đó làm sáng tỏ không chỉ thuận lợi và khó khăn mà còn cả những chiến lược thực tiễn trong việc triển khai *Global Success* nhằm phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Đặc biệt, nghiên cứu không những chỉ ra mức độ đồng thuận của giáo viên mà còn làm rõ các biện pháp thực tiễn mà họ áp dụng để khắc phục thách thức trong điều kiện sĩ số lớp đông và cơ sở vật chất hạn chế, từ đó bổ sung góc nhìn mới cho việc phát triển năng lực giao tiếp của học sinh trong bối cảnh Việt Nam.

Thông qua nghiên cứu, điểm mới so với kết quả các nghiên cứu trước là giáo viên cảm nhận bộ sách *Global Success* tích hợp các yếu tố văn hóa từ nhiều vùng miền, dân tộc và quốc gia khác nhau. Sự tích hợp này không chỉ giúp học sinh nâng cao nhận thức văn hóa mà còn rèn luyện cách giao tiếp phù hợp trong các bối cảnh xã hội đa dạng. Giáo viên tham gia nghiên cứu đánh giá đây là một điểm mới và thú vị của sách, góp phần hiệu quả vào việc phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh.

Ứng dụng trong giảng dạy

Giáo viên nên khai thác các hoạt động giao tiếp thực tế trong Global Success và linh hoạt điều chỉnh nội dung để phù hợp với năng lực học sinh. Việc áp dụng task-based learning, role-play và các hoạt động nhóm giúp tăng tương tác, khuyến khích học sinh yếu tham gia tích cực. Đồng thời, giáo viên cần nâng cao năng lực chuyên môn qua tham khảo video, học hỏi đồng nghiệp và tham gia tập huấn. Nhà trường cũng nên đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ để triển khai các hoạt động giao tiếp hiệu quả.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã làm rõ trải nghiệm của giáo viên tiếng Anh trong việc triển khai bộ sách Global Success nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Kết quả cho thấy sách mang lại nhiều thuận lợi, như thiết kế sinh động, nội dung gần gũi

và các hoạt động giao tiếp thực tiễn, góp phần rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp của học sinh.

Tuy nhiên, giáo viên cũng gặp những khó khăn liên quan đến sĩ số lớp đông, thời lượng hạn chế, trình độ học sinh không đồng đều và một số vấn đề của sách giáo khoa. Để khắc phục, họ đã áp dụng nhiều chiến lược điều chỉnh và phương pháp giảng dạy linh hoạt, giúp nâng cao hiệu quả sử dụng sách và khuyến khích sự tham gia tích cực của học sinh.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu khẳng định rằng Global Success, khi được triển khai và điều chỉnh phù hợp với bối cảnh lớp học, có thể góp phần quan trọng vào việc phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Đồng thời, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò then chốt của việc nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng thích ứng của giáo viên trong quá trình giảng dạy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Canale, M. (1983). From communicative competence to communicative language pedagogy. In J. C. Richards & R. W. Schmidt (Eds.), *Language and communication* (pp. 2–27). Longman.
- Canale, M., & Swain, M. (1980). Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. *Applied Linguistics*, 1(1), 1–47. <https://doi.org/10.1093/applin/I.1.1>
- Creswell, J. W., & Clark, V. L. P. (2017). *Designing and conducting mixed methods research*. Sage Publications.
- Lantolf, J. P. (2000). *Sociocultural theory and second language learning*. Oxford University Press.
- Littlewood, W. (2004). The task-based approach: Some questions and suggestions. *ELT Journal*, 58(4), 319–326.
- McDonough, J., & Shaw, C. (2003). *Materials and methods in ELT: A teacher's guide* (2nd ed.). Blackwell Publishing.
- McDonough, J., Shaw, C., & Masuhara, H. (2013). *Materials and methods in ELT* (3rd ed.). Wiley-Blackwell.
- Ministry of Education and Training (MOET). (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT*. Hanoi: MOET.
- Richards, J. C. (2001). *Curriculum development in language teaching*. Cambridge University Press.
- Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2014). *Approaches and methods in language teaching* (3rd ed.). Cambridge University Press.
- Sourani, M., AbdulFattah, F., & Sayer, I. (2023). Exploring the challenges of the Communicative Language Teaching approach in the EFL context of Arab learners. *Teaching English Language*, 17(2), 361–389. <https://doi.org/10.22132/tel.2024.427424.1535>
- Tomlinson, B. (2011). *Materials development in language teaching* (2nd ed.). Cambridge University Press.
- Tran, P. N. T., & Tran, Q. T. (2020). Insights into high school teachers' and students' perspectives on communicative skills represented in English textbook. *VNU Journal of Science: Education Research*, 36(4), 50–59.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
- Waluyo, B. (2019). Task-based language teaching and theme-based role-play: Developing EFL learners' communicative competence. *Indonesian Journal of Applied Linguistics*, 9(1), 1–14. <https://doi.org/10.17509/ijal.v9i1.13864>